

**ĐỀ ÁN**

**Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp  
tỉnh An Giang đến năm 2020**

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

Qua gần 03 năm thực hiện Đề án Sắp xếp hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020 (theo Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh), đến nay hầu hết các huyện, thị, thành phố đều có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hoặc trường trung cấp nghề (gọi chung là cơ sở đào tạo nghề). Tuy nhiên, có địa phương có đến 02 cơ sở đào tạo nghề, riêng thành phố Long Xuyên có trên 05 cơ sở đào tạo nghề. Nhìn chung, số lượng cơ sở đào tạo tăng gần 04 lần so với giai đoạn 2010 - 2015.

Việc phát triển nhiều cơ sở đào tạo nghề trong thời gian qua cho thấy còn những hạn chế, bất cập như: nguồn lực đầu tư còn dàn trải, phân tán; cơ sở vật chất, thiết bị đã đầu tư chưa phát huy hiệu quả; số lượng có phát triển nhưng chất lượng, hiệu quả đào tạo của từng cơ sở, ở từng nơi có khác nhau, phần lớn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

Nhằm đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, hình thành đội ngũ lao động lành nghề tham gia trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và yêu cầu hội nhập đến năm 2020; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay, nên việc xây dựng “Đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020” là một yêu cầu tất yếu.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2014;

- Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

- Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn;

- Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề;

- Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12 tháng 2 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLDTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2015 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh An Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020, về phát triển nguồn nhân lực;

- Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Tỉnh về phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh An Giang ban hành Đề án sắp xếp hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020;

- Các văn bản của các cơ quan Trung ương, Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **III. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP:**

#### **1. Kết quả:**

Qua triển khai thực hiện Đề án Sắp xếp hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020, các cơ sở đào tạo đã sắp xếp lại bộ máy tổ chức, từng bước đi vào hoạt động ổn định, một số cơ sở năng động, hoạt động có hiệu quả hơn so với trước khi thực hiện Đề án, quy mô dạy nghề tăng, chất lượng dạy nghề từng bước được nâng lên, đáp ứng một phần nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể là:

#### **1.1. Số lượng cơ sở đào tạo nghề nghiệp (đính kèm biểu số 01):**

- Đầu năm 2017, Trường Trung cấp Y tế An Giang được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Y tế An Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật trực thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo được bàn giao về trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Đầu năm 2017, toàn tỉnh có **20** trường, trung tâm đào tạo, trong đó:

+ Hệ công lập: Có 18 đơn vị (02 trường cao đẳng, 06 trường trung cấp, 10 trung tâm);

+ Hệ tư thực: có 02 trung tâm.

Ngoài ra, còn có 14 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề nghiệp.

### **1.2. Kết quả tuyển sinh (Đính kèm biểu số 02):**

Giai đoạn 2011 - 2016, kết quả tuyển sinh đào tạo nghề, chuyên nghiệp được 170.830 người, đạt 102,3% so với kế hoạch. Trong đó:

- Đào tạo trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ gần 2,3% so với tổng số tuyển sinh. Chia theo lĩnh vực đào tạo: Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ trên 12%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ lệ trên 49%; Thương mại - Dịch vụ chiếm tỷ lệ gần 39%.

- Đào tạo trình độ trung cấp (trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp) chiếm tỷ lệ 6,88% so với tổng số tuyển sinh. Chia theo lĩnh vực đào tạo: Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ gần 22%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ lệ trên 36%; Thương mại - Dịch vụ chiếm tỷ lệ gần 42%.

- Đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng chiếm tỷ lệ trên 90% so với tổng số tuyển sinh. Trong đó chia theo lĩnh vực đào tạo: Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ trên 34%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm tỷ lệ trên 51%; Thương mại - Dịch vụ chiếm tỷ lệ trên 14%.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh lên 53,3%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 38,8% năm 2016.

### **1.3. Cơ sở vật chất (Đính kèm biểu số 03):**

- Các trường, trung tâm được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đáp ứng được yêu cầu thực hành, thực tập của học sinh, sinh viên khoảng 70%, nhất là những cơ sở dạy nghề được đầu tư tập trung từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhìn chung đầu tư cho dạy nghề ngày càng tăng, chủ yếu từ ngân sách nhà nước.

### **1.4. Cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên (Đính kèm biểu số 04):**

Đến cuối năm 2016, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên của các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN-GDTX cả tỉnh có khoảng 905 người. Trong đó:

- Cán bộ quản lý: Có 345 cán bộ làm công tác quản lý tại các trường, các trung tâm. Về trình độ đào tạo: có 01 tiến sĩ, 26 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ trên 9,5%; 246 đại học, chiếm tỷ lệ trên 86,9%; còn lại 10 cao đẳng và trung cấp. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ và đa số đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề: Hiện có 485 giáo viên tại các trường, trung tâm. Về trình độ đào tạo: có 69 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ gần 14%; đại học, cao đẳng, chiếm tỷ lệ gần 70%. Hầu hết đội ngũ giáo viên, giảng viên đáp ứng đúng các tiêu chuẩn về nghiệp vụ sư phạm, trình độ kỹ năng nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy văn hóa: hiện có khoảng 75 người.

## 2. Tồn tại, hạn chế:

- Mạng lưới cơ sở dạy nghề có phát triển về số lượng nhưng còn nhiều bất cập, đầu tư dàn trải, thiếu tập trung; quy mô đào tạo nhỏ, lẻ, các trung tâm dạy nghề cấp huyện chủ yếu dạy nghề theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn” toàn bộ kinh phí thực hiện từ ngân sách; chưa hình thành được những cơ sở đào tạo chất lượng cao.

- Cơ sở vật chất, thiết bị của một số cơ sở dạy nghề đầu tư chưa đồng bộ, chưa phát huy được hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đã đầu tư; Trung ương chưa xây dựng được bộ tiêu chuẩn thiết kế trường nghề theo các trình độ đào tạo và tiêu chuẩn về cơ sở vật chất của từng ngành, nghề và trình độ đào tạo; chưa xây dựng hệ thống định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo của từng ngành, nghề và trình độ đào tạo để làm căn cứ tính đúng, tính đủ chi phí trong đào tạo. Cơ sở hạ tầng cho giáo dục thể chất chưa được chú trọng đầu tư.

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhiều cơ sở dạy nghề còn thấp, chưa đáp ứng kịp yêu cầu; mối quan hệ giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp chưa được gắn kết chặt chẽ; học sinh, sinh viên tốt nghiệp yếu về ngoại ngữ và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm..., kỹ năng khởi nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nơi chưa thực sự hiệu quả; số học sinh, sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm vẫn còn khá lớn (khoảng 30%).

- Tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề còn nhiều khó khăn, có một số trường không tuyển sinh được trình độ trung cấp. Cơ cấu đào tạo giữa các cấp trình độ còn bất hợp lý, đào tạo trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề chiếm tỷ lệ thấp, đào tạo nghề ngắn hạn chiếm tỷ lệ trên 90% so với tổng số tuyển sinh đào tạo.

- Dạy nghề cho lao động nông thôn số lượng tuy nhiều nhưng chất lượng còn hạn chế, tỷ lệ có việc làm sau đào tạo còn thấp, giúp giải quyết việc làm trước mắt, thiếu căn cơ, bền vững. Một số đối tượng đặc thù khó huy động đến lớp như: người tàn tật, lao động hộ nghèo, cận nghèo, lao động dân tộc thiểu số,...; người nghèo trình độ học vấn đa số thấp, lại phải lao động kiếm sống hàng ngày, nếu có học nghề thì chỉ học các lớp ngắn hạn, không thể tham gia các lớp dài hạn nên khó có việc làm ổn định với thu nhập cao.

- Do kinh tế khó khăn, nhiều học sinh nghỉ học phổ thông tham gia lao động sớm để phụ giúp gia đình. Đặc thù các xã, huyện thuần nông, rất nhiều lao động tìm việc làm ngoài tỉnh nên không còn nguồn để tuyển sinh.

- Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong tỉnh tiến độ chậm nên chưa tạo được nhiều việc làm để thu hút người lao động; ngành nghề mới ở các địa phương chậm phát triển, nhất là các huyện thuần nông nên việc chọn ngành nghề đào tạo cũng là trở ngại lớn trong công tác đào tạo. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hiện nay thông báo tuyển lao động phổ thông (chỉ cần biết đọc, biết viết) cho

nên nhiều gia đình cho con em nghỉ học đi làm ngay không cần phải học văn hóa, học nghề.

- Số giáo viên dạy các môn văn hóa tuy đáp ứng đủ các môn nhưng số giờ lên lớp chưa đủ giờ chuẩn theo quy định (một giáo viên chỉ dạy 7 - 8 tiết/tuần - theo quy định 17 tiết/tuần) do số học sinh học giáo dục thường xuyên có chiều hướng giảm.

- Chế độ làm việc, chính sách giữa giáo viên dạy nghề và giáo viên dạy văn hóa chưa thống nhất trong cùng một trường, một trung tâm có 02 chức năng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên (dạy văn hóa). Do quy định khác nhau của 02 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục - Đào tạo về chế độ, chính sách của giáo viên (giáo viên dạy nghề áp dụng các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, còn giáo viên dạy văn hóa áp dụng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### **3. Nguyên nhân:**

- Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số địa phương, đơn vị chưa tập trung cao, mức độ quan tâm và đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, thiếu giải pháp thích hợp để tạo bước đột phá trên lĩnh vực đào tạo nghề - giải quyết việc làm.

- Nhiều phường, xã chưa chủ động xây dựng kế hoạch dạy nghề, giải quyết việc làm, có đề ra chỉ tiêu nhưng chưa có các giải pháp cụ thể, phù hợp để thực hiện. Huy động sự tham gia của cộng đồng chưa cao, chưa phát huy tốt tiềm năng sẵn có tại địa phương.

- Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp và cộng đồng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đào tạo nghề, đào tạo nhân lực có tay nghề cao chưa đầy đủ, thiếu thống nhất; tư tưởng coi trọng bằng cấp còn phổ biến trong xã hội, ngán ngại lao động chân tay. Vì vậy, chưa quan tâm đúng mức đến phát triển dạy nghề.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục hướng nghiệp còn nhiều hạn chế; thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chưa hiệu quả.

- Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về đào tạo nghề các cấp thiếu về số lượng, chưa chuyên nghiệp và một bộ phận chưa đạt chuẩn.

- Còn thiếu cơ chế chính sách cho đội ngũ nhà giáo, người học nghề, người tốt nghiệp học nghề, doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo.

- Dự báo nhu cầu nhân lực về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo chưa có cơ sở căn cứ nên chưa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo từng giai đoạn.

- Việc huy động nguồn lực đầu tư cho đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu. Ngân sách nhà nước đầu tư cho dạy nghề những năm gần đây tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

- Những giải pháp tạo việc làm có thu nhập cho người nghèo chưa cơ bản và thiếu ổn định (chủ yếu là sản xuất nhỏ gia đình). Mặt khác, các yếu tố giá cả, thị trường luôn tác động bất lợi cho người sản xuất, cùng thiên tai, dịch bệnh hàng năm, ảnh hưởng lớn đến đời sống người lao động, nhất là khu vực nông thôn. Hàng năm số hộ nghèo giảm nhiều nhưng phần nhiều chuyển sang hộ cận nghèo.

- Kỹ thuật được nâng cao, cùng với cơ giới hóa được áp dụng trong nông nghiệp (giải phóng số lượng lớn lao động thủ công). Từ đó, tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn ngày càng nhiều, hàng năm có từ 8.000 đến 9.000 người từ các địa phương đi tìm việc làm ngoài tỉnh, không còn nguồn để tuyển sinh đào tạo nghề.

- Khác với các lĩnh vực khác, đầu tư cho dạy nghề rất tốn kém, lợi nhuận thấp. Vì vậy, các nhà đầu tư ít chịu đầu tư vốn vào lĩnh vực dạy nghề dẫn đến việc thực hiện xã hội hóa lĩnh vực dạy nghề còn nhiều khó khăn, tiến độ chậm.

#### **IV. SẮP XẾP MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2020:**

##### **1. Quan điểm:**

Sắp xếp hệ thống các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đến năm 2020 theo các quan điểm sau:

Phải phù hợp, đồng bộ với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; khắc phục những bất cập, hạn chế hiện nay trong tổ chức và hoạt động để phát huy hiệu quả các cơ sở GDNN.

Nâng cao năng lực của các cơ sở GDNN, đáp ứng nhu cầu về chất lượng, cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho những người có nhu cầu học nghề đều có thể tham gia học nghề và những người đã học nghề từ trình độ thấp nâng lên trình độ cao hơn, nhất là lao động nông thôn, lao động nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...

Từng cơ sở GDNN, từng địa phương phải xác định được nghề trọng điểm của trường mình, địa phương mình để đề xuất tập trung đầu tư có hiệu quả, không đầu tư tràn lan, dàn trải gây thất thoát lãng phí; đào tạo nghề nghiệp phải gắn với doanh nghiệp để giải quyết đầu ra như: Giải quyết việc làm, tiêu thụ sản phẩm cho người lao động, .v.v....

Hình thành các trường, các nghề trọng điểm đạt cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hoá GDNN; khuyến khích mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư cho GDNN, phát triển các cơ sở GDNN tư thục và cơ sở GDNN có vốn đầu tư của nước ngoài.

##### **2. Nguyên tắc và yêu cầu sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN:**

Khi sắp xếp hệ thống cơ sở GDNN cần phải đảm bảo các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản sau:

Tiến hành rà soát, sắp xếp, củng cố lại bộ máy tổ chức của các cơ sở GDNN sao cho hoạt động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu.

Đảm bảo ổn định, không làm gián đoạn, xáo trộn các hoạt động đào tạo; có sự phân công rành mạch về chức năng, nhiệm vụ trong các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp về GDNN, tránh chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ, đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy nghề được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (nguồn địa phương và nguồn Trung ương); nâng chất hoạt động dạy nghề đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; đào tạo lao động có trình độ ngoại ngữ, tay nghề để đưa đi làm việc ngoài nước (XKLĐ); nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngoài xã hội đáp ứng yêu cầu hội nhập.

### **3. Mục tiêu:**

#### **3.1. Mục tiêu chung:**

Mạng lưới cơ sở GDNN phát triển đồng bộ, cơ cấu hợp lý đến năm 2020; bộ máy tổ chức sắp xếp tinh gọn, năng động, hiệu quả; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đưa vào khai thác, sử dụng đạt hiệu quả cao; đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp có kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo một số nghề trọng điểm đạt trình độ quốc gia và cơ bản đạt chuẩn trong khu vực ASEAN; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; phổ cập nghề, đào tạo thường xuyên cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định an ninh chính trị, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt tốp khá so với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thu hút lao động nông thôn tham gia học nghề, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình có công với cách mạng, người khuyết tật,... tạo cơ hội cho người lao động có nhu cầu học nghề được tiếp cận với các chương trình đào tạo nghề nghiệp, tiếp thu các công nghệ và kỹ thuật mới.

Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề nghiệp, thu hút mọi thành phần kinh tế, cá nhân và tổ chức trong, ngoài tỉnh và nước ngoài tham gia đào tạo nghề nghiệp.

Đến năm 2020, phấn đấu các trường cao đẳng nghề sẽ tự đảm bảo hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính theo qui định.

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Về công tác tuyển sinh:

Mỗi năm tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp 25.000 người, trong đó: Phấn đấu đến năm 2020 đào tạo trình độ Cao đẳng chiếm tỷ lệ khoảng **10%**; trình độ Trung cấp chiếm tỷ lệ khoảng **15%** trong tổng số tuyển sinh; nâng tỷ lệ lao động

qua đào tạo đạt 65% vào cuối năm 2020. Có ít nhất 80% số người học nghề theo Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

- Mạng lưới cơ sở GDNN:

Toàn tỉnh dự kiến có 16 trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Trong đó: hệ công lập có 14 đơn vị (gồm: 02 trường cao đẳng, 06 trường trung cấp, 05 trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện và 01 Trung tâm dạy nghề thuộc Hội Nông dân); hệ tư thục có 02 trung tâm và 11 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề nghiệp.

Phân đầu ít nhất 01 trường cao đẳng được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn trường chất lượng cao; ít nhất 03 trường trung cấp đạt chuẩn quy định.

- Tự chủ về tài chính:

Đến năm 2018: Có thêm 01 trường (Trường Cao đẳng Y Tế An Giang) tự đảm bảo chi thường xuyên.

Đến năm 2020: Có thêm 01 trường cao đẳng (Trường Cao đẳng nghề) và 03 trường trung cấp (Trường Trung cấp nghề Châu Đốc, Trường Trung cấp nghề Chợ Mới, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang) tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

#### **4. Nội dung sắp xếp:**

Thực hiện sắp xếp tinh gọn, sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN – GDTX) vào trường trung cấp nghề đối với các huyện có 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đặt trên địa bàn huyện. Nội dung sắp xếp như sau:

- Sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX Tri Tôn vào trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú An Giang (không đổi tên trường). Trường được chọn đầu tư 02 nghề trọng điểm cấp quốc gia gồm: nghề Cơ điện nông thôn và nghề Trồng cây lương thực, thực phẩm.

- Sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX Chợ Mới vào Trường Trung cấp nghề Chợ Mới và đổi tên thành Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ. Trường được chọn đầu tư 01 nghề trọng điểm cấp quốc gia là Gia công, thiết kế sản phẩm mộc.

- Sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX Châu Phú vào Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ Thuật An Giang (không đổi tên trường). Trường được chọn đầu tư 01 nghề trọng điểm cấp quốc gia là Bảo vệ thực vật.

Cơ sở vật chất các trung tâm GDNN - GDTX giao về cho UBND huyện tiếp nhận và quản lý.

- Đổi tên Trường Trung cấp nghề Châu Đốc thành Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ An Giang. Trường được chọn đầu tư 02 nghề trọng điểm cấp quốc gia gồm: nghề Nghiệp vụ nhà hàng và nghề Nghiệp vụ lễ tân.

- Nâng cấp Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ - GTVT và đổi tên thành Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ - Giao thông vận tải.



- Chuyên đổi mục đích hoạt động hoặc giải thể Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn.

Như vậy, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh dự kiến có 16 trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trong đó:

- Hệ công lập: Có 14 đơn vị, gồm: 02 trường cao đẳng (Cao đẳng nghề và Cao đẳng Y Tế); 06 trường trung cấp (gồm: Dân tộc Nội trú, Kỹ thuật - Nghiệp vụ, Kỹ thuật - Công nghệ, Kinh tế - Kỹ thuật, Tân Châu, Kỹ thuật Nghiệp vụ - Giao thông vận tải); 05 trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện (gồm: Châu Thành, Thoại Sơn, Phú Tân, Tịnh Biên, An Phú) và 01 Trung tâm dạy nghề thuộc Hội Nông dân tỉnh.

- Hệ tư thục: có 02 trung tâm.

Ngoài ra, còn có 11 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề nghiệp.

### **5. Hình thức, thời gian sáp nhập:**

- Hình thức sáp nhập: Các TTGDNN-GDTX nhập cơ học vào trường trung cấp nghề có nghĩa là chuyên toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; kinh phí; trang thiết bị, cơ sở vật chất về trường trung cấp nghề. Riêng trụ sở trung tâm GDNN-GDTX Châu Phú giao lại cho UBND huyện Châu Phú.

Trường trung cấp nghề sau khi tiếp nhận đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của TTGDNN-GDTX, các trường trung cấp nghề tiến hành sắp xếp bố trí cán bộ theo Đề án vị trí việc làm của trường theo chức năng, nhiệm vụ mới. Nếu có cán bộ, giáo viên dôi dư thì được xem xét giải quyết chế độ theo quy định hiện hành.

- Thời gian sáp nhập: Thời gian chậm nhất đến cuối tháng 12 năm 2017

### **6. Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp (Đính kèm biểu số 06):**

Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020 là “Chuyên đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng lao động với công nghệ tiên tiến, hiện đại, dựa trên phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo năng suất lao động cao. Đầu tư các chương trình, đề án, dự án có trọng tâm, trọng điểm và tích cực thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế”.

Một trong những trở ngại trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước nói chung và của tỉnh An Giang nói riêng đó là chất lượng nguồn nhân lực. Theo các báo cáo, đánh giá của tỉnh, thì chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, tỷ lệ lao động qua đào tạo nhìn chung còn thấp, cuối năm 2016 mới đạt khoảng 53% (tỷ lệ bình quân cả nước trên 55%), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề mới đạt 38,8%. Mỗi năm Tỉnh lại đón nhận gần 20 ngàn người bước vào tuổi lao động. Để thực hiện được mục tiêu tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020, cần có đội ngũ lao động kỹ thuật đủ về số lượng, có kiến thức, kỹ năng nghề với cơ cấu ngành nghề và trình độ phù hợp.

Đây là thách thức lớn, đòi hỏi GDNN phải đổi mới, phát triển và có bước đột phá về chất lượng để đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho tỉnh trong giai đoạn này.

Theo khảo sát nhu cầu nhân lực Tỉnh An Giang thời kỳ 2016 - 2020, thì trong đó nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp thời kỳ 2016 - 2020 được dự báo như sau:

**\* Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp theo các cấp trình độ:**

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>TH Năm 2015</b>	<b>Giai đoạn 2016 - 2020 (Bình quân 01 năm)</b>
<b>Tổng số</b>	<b><u>27.604</u></b>	<b><u>25.000</u></b>
<b>1. Cao đẳng</b>	<b>526</b>	<b>2.500</b>
<i>% so tổng số (cuối giai đoạn)</i>	<i>1,91%</i>	<i>10%</i>
<b>2. Trung cấp</b>	<b>2.045</b>	<b>3.750</b>
<i>% so tổng số (cuối giai đoạn)</i>	<i>7,40%</i>	<i>15%</i>
<b>3. Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng</b>	<b>25.033</b>	<b>18.750</b>
<i>% so tổng số (cuối giai đoạn)</i>	<i>90,69%</i>	<i>75%</i>

Về quy mô tuyển sinh theo lĩnh vực, ngành nghề: Phối hợp với các ngành có liên quan như: Giáo dục - Đào tạo, Nội vụ, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y Tế, .... Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu hội nhập, đặc biệt là phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh: Chú ý đào tạo lao động trong lĩnh vực nông nghiệp để phục vụ yêu cầu “Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp” và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tăng tỷ trọng lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng phục vụ lĩnh vực du lịch, thương mại, dịch vụ và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, .v.v...tăng số lượng lao động qua đào tạo đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (gọi tắt là Xuất khẩu lao động).

**7. Giải pháp thực hiện:**

**7.1. Giải pháp về quản lý nhà nước:**

Đổi mới công tác quản lý nghề nghiệp theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan đến công tác giáo dục nghề nghiệp, phân cấp mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo quy định.

Điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động; Xác định nhu cầu, ngành nghề đào tạo phù hợp với địa phương ở từng thời kỳ.

Đánh giá thực trạng về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, qua đó đề ra chính sách khuyến khích đối với cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề để thu hút giáo viên giỏi gắn bó với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh xã hội hoá các nguồn lực; khuyến khích các loại hình cơ sở ngoài công lập, huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội để tăng cường nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân có sử dụng lao động tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động.

Thực hiện hướng nghiệp, phân luồng sau bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông để tham gia học nghề.

Phối hợp thực hiện kiểm định cơ sở GDNN và kiểm định chương trình đào tạo. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng đào tạo, tiêu chuẩn tuyển sinh và tốt nghiệp; tự kiểm định chất lượng đào tạo và chịu sự đánh giá định kỳ của các cơ quan kiểm định chất lượng GDNN.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật cũng như kịp thời giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm về hoạt động GDNN.

## **7.2. Giải pháp về nhân sự:**

Bộ máy nhân sự của các đơn vị sau khi sắp xếp được tổ chức như sau:

- Sau khi sáp nhập các trung tâm GDNN - GDTX vào các trường trung cấp, Ban Giám hiệu các trường trung cấp căn cứ vào tình hình thực tế xây dựng đề án vị trí việc làm của đơn vị trình Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thị, thành phố sắp xếp bộ máy nhân sự của các trường, trung tâm phù hợp với tình hình hoạt động, tuyển sinh của các đơn vị. Tăng cường công tác động viên tư tưởng, tạo điều kiện cho những trường hợp thuộc diện điều động, chuyển công tác, giải quyết chính sách.

- Đối với những trường hợp cho thôi việc là công chức thực hiện theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức (Điều 4, Điều 5); viên chức thực hiện theo Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Điều 38, Điều 39); hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động (Điều 48). Hoặc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

## **7.3. Giải pháp về các điều kiện đảm bảo chất lượng:**

### **\* Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý:**

Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm, công nghệ mới, ngoại ngữ, tin học, kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp và kiến thức hội nhập, nhằm phát triển đội ngũ giáo viên đạt chuẩn để đáp ứng nhu cầu về số lượng, yêu cầu về chất lượng, cũng như cơ cấu ngành nghề, nhất là những ngành nghề đòi hỏi kỹ thuật cao.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đào tạo và đào tạo nguồn cán bộ có trình độ sau đại học đáp ứng yêu cầu thực tế cho công tác quản lý GDNN của tỉnh.

Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đội ngũ kỹ sư, cử nhân, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tham gia vào công tác giảng dạy nghề nghiệp.

Sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDNN; bổ sung, tăng cường biên chế giáo viên cho các trường, trung tâm để phù hợp với quy mô đào tạo.

Tổ chức tốt và tham gia các Hội thi giáo viên dạy nghề giỏi các cấp để nâng cao trình độ nghiệp vụ và tiếp thu những điển hình tiên tiến trong giảng dạy.

**\* Về chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy:**

Xây dựng và đổi mới nội dung chương trình, giáo trình theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và tiếp cận với trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới, đảm bảo đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ.

Tất cả các trường, trung tâm xây dựng chương trình, giáo trình đảm bảo thống nhất về danh mục nghề và kiến thức, kỹ năng đào tạo theo chuẩn quốc gia; khuyến khích các doanh nghiệp tích cực tham gia vào việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động.

Xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp và ngắn hạn dưới 3 tháng phù hợp với đặc thù của từng địa phương, phù hợp với tình hình phát triển sản xuất của lao động nông thôn với các nhóm nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp, đảm bảo nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, có việc làm ổn định.

**\* Về chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo:**

Tập trung đầu tư nâng cấp các cơ sở GDNN công lập theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa để đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất của doanh nghiệp. Tăng cường và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động trong lĩnh vực GDNN.

Tăng mức đầu tư trang thiết bị đào tạo cho các Trường, việc đầu tư cần nghiên cứu đến thiết bị hiện đại, phù hợp với công nghệ mới, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào dạy và học, nhất là dạy học từ xa, dạy học với mô hình mô phỏng nhằm đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất của doanh nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng nguồn lao động ngang tầm khu vực, đáp ứng yêu cầu của các nước trong khu vực có sử dụng lao động Việt Nam.

Thực hiện chủ trương xã hội hoá để đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đối với các cơ sở GDNN bằng hình thức góp vốn hay đầu tư trang thiết bị để tăng khả năng trang bị máy móc thiết bị có trình độ kỹ thuật cao, hiện đại. Quan tâm huy động các nguồn vốn từ bên ngoài, đồng thời góp phần thúc đẩy công tác xã hội hóa GDNN.

Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị các nghề trọng điểm và trường được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lao động có tay nghề cao, nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **7.4. Giải pháp về gắn kết giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp:**

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của thị trường lao động cũng như giải quyết tốt vấn đề đào tạo gắn với việc làm, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN phải gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Phải xác định việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp là khâu then chốt quan trọng để giải quyết đầu ra hiệu quả nhất.

Khuyến khích các hình thức, mô hình hợp tác, liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với cá nhân, doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài tỉnh để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện đào tạo nghề nghiệp theo nhu cầu xã hội, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc phối hợp với các cơ sở trong thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho người lao động, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ.

Doanh nghiệp và cơ sở GDNN phải phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, kỹ năng nghề, thiết kế chương trình và tham gia vào quá trình giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học. Cơ sở nghề nghiệp phải chủ động khảo sát thông tin về nhu cầu của doanh nghiệp (nghề, trình độ, mức độ kỹ năng...) để tổ chức đào tạo phù hợp. Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ sở dạy nghề về nhu cầu tuyển dụng lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực dạy nghề, đặc biệt là với các nước trong khu vực để từng bước tiếp cận chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế về kỹ năng nghề.

Thực hiện tốt các chính sách như: hỗ trợ các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động; doanh nghiệp tham gia đào tạo mới, đào tạo lại lao động trong doanh nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển cơ sở GDNN, chính sách tôn vinh trong đào tạo, .v.v...

Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế làm cầu nối gắn kết các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn đặt hàng đào tạo theo nhu cầu như về trình độ, ngành nghề cần đào tạo sẽ giúp cho các cơ sở GDNN có kế hoạch, phương án cụ thể để từng bước đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

#### **7.5 Giải pháp về nguồn nhân lực:**

Hàng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao của tỉnh, bảo đảm phù hợp về số lượng và cơ cấu nghề nghiệp, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **7.6. Giải pháp về hợp tác quốc tế:**

Khuyến khích hợp tác quốc tế để trao đổi và học tập kinh nghiệm của các nước, đặc biệt là các nước thành công trong phát triển đào tạo nghề. Khuyến

khích hợp tác với trường đào tạo của các nước phát triển và trao đổi chương trình đào tạo, trao đổi kinh nghiệm giữa các giáo viên, chuyên gia; chuyển giao công nghệ, phương pháp giảng dạy.

#### **7.7. Giải pháp tự chủ về tài chính:**

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, trước hết là tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Phân đầu đến năm 2018 có thêm 01 trường (Trường Cao đẳng Y Tế An Giang) tự đảm bảo chi thường xuyên; đến năm 2020: có thêm 01 trường cao đẳng (Trường Cao đẳng nghề) và 03 trường trung cấp {Kỹ thuật - Nghiệp vụ (tức Trường Trung cấp nghề Châu Đốc), Kỹ thuật - Công nghệ (tức Trường Trung cấp nghề Châu Đốc), Kinh tế - Kỹ thuật} tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Tham mưu UBND tỉnh triển khai việc thực hiện Đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, tổ chức triển khai thực hiện Đề án, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có tay nghề.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách có liên quan, nhằm thực hiện Đề án đạt hiệu quả.

Khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường lao động làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm hàng năm. Có kế hoạch điều tra, khảo sát nắm nhu cầu tuyển dụng lao động và trình độ ngành nghề đào tạo để có kế hoạch đào tạo cung ứng lao động cho các doanh nghiệp.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thị, thành phố sắp xếp bộ máy nhân sự của các Trường, trung tâm sau khi sắp xếp.

Chủ trì phối hợp với Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; UBND huyện, thị, thành phố tách lĩnh vực Giáo dục thường xuyên ra khỏi trường trung cấp.

Phối hợp với các Sở, ngành và các huyện, thị, thành phố rà soát, xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 để đưa vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) cấp tỉnh và cấp huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án và thi hành các quy định về giáo dục nghề nghiệp.

Tổng hợp, báo cáo về UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

## **2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Triển khai thực hiện Đề án về công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT giai đoạn 2015 - 2020; đưa nội dung đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm lồng ghép vào chương trình hướng nghiệp.

Đẩy mạnh giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp ở các trường phổ thông. Hàng năm tổ chức tư vấn định hướng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh cuối cấp học THCS, THPT nhằm nâng cao nhận thức về nghề nghiệp cho các em học sinh, từ đó lựa chọn đúng ngành nghề phù hợp với điều kiện gia đình và năng lực bản thân.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND huyện, thị, thành phố sắp xếp bộ máy nhân sự của các Trường, Trung tâm sau khi sắp xếp.

## **3. Trách nhiệm Sở Nội vụ:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện, thị, thành phố sắp xếp bộ máy nhân sự của các Trường, Trung tâm sau khi sắp xếp; có kế hoạch và giải quyết chính sách đối với những trường hợp điều động, chuyển công tác, cho thôi việc theo đề án và đảm bảo các chính sách theo quy định hiện hành.

## **4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kinh phí ngân sách đầu tư hàng năm và từng thời kỳ để đầu tư cho phát triển mạng lưới cơ sở GDNN được hoàn chỉnh, đồng bộ đảm bảo yêu cầu đào tạo góp phần phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh về kinh phí đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị cho các cơ sở GDNN; Phối hợp dự báo nhu cầu lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật có tay nghề cao để lập kế hoạch đào tạo hàng năm. Xây dựng chương trình, đề án thu hút, kêu gọi nguồn vốn ODA để tranh thủ đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

## **5. Trách nhiệm của Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan chuẩn bị bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án, trong đó ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh đối với các trường được chọn đào tạo trình độ đạt chuẩn quốc gia và khu vực.

## **6. Trách nhiệm của Liên đoàn Lao động tỉnh:**

Củng cố, sắp xếp kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự của Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc giải thể.

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đẩy mạnh vận động, tuyên truyền nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

## **7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan:**

Các sở, ngành của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình nâng cao trách nhiệm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Đề án.

Phối hợp kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án này.

## **8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị thành phố:**

Thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền nhà nước quy định. Căn cứ vào nội dung Đề án được cấp thẩm quyền ban hành, tiến hành rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có trên địa bàn để phù hợp với Đề án của tỉnh đến năm 2020 thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của địa phương.

Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo sắp xếp bộ máy nhân sự của các Trường, Trung tâm sau khi sắp xếp.

Đôn đốc, kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

## **9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo nghề nghiệp:**

Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự sau khi sắp xếp; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải năng động tích cực, phải có kế hoạch định hướng phát triển trường, trung tâm từ nay đến năm 2020. Đồng thời đề ra nhiều giải pháp phù hợp để đào tạo các ngành nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, nhu cầu xã hội; tăng cường tuyển sinh, khai thác và sử dụng có hiệu cơ sở vật chất, thiết bị đã được đầu tư.

Xây dựng cơ chế và thực hiện tự chủ tài chính theo lộ trình của Đề án./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Lao động - TBXH;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGXH, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**



**DỰ KIẾN TUYỂN SINH**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Giai đoạn 2016-2020			
		Tổng số	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và dưới 3 tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>*</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>125.000</b>	<b>12.500</b>	<b>18.750</b>	<b>93.750</b>
<b>I</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>25.000</b>	<b>12.500</b>	<b>8.000</b>	<b>4.500</b>
1	Trường Cao đẳng An Giang	13.500	6.500	4.000	3.000
2	Trường Cao đẳng Y tế	11.500	6.000	4.000	1.500
<b>II</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>25.250</b>		<b>10.750</b>	<b>14.500</b>
<b>1</b>	<b>Trường Trung cấp nghề</b>	<b>25.250</b>		<b>10.750</b>	<b>14.500</b>
1.1	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	3.800		1.300	2.500
1.2	Trường TCN Tân Châu	3.800		800	3.000
1.3	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	1.500		1.500	
1.4	Trường TCN Chợ Mới	5.350		850	4.500
1.5	Trường TCN KT-KT Công Đoàn	3.800		800	3.000
1.6	Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật	7.000		5.500	1.500
<b>III</b>	<b>Trung tâm</b>	<b>57.500</b>			<b>57.500</b>
<b>1</b>	<b>Trung tâm GDNN - GDTX</b>	<b>57.500</b>			<b>57.500</b>
1.1	Trung tâm GDNN - GDTX Châu Thành	5.000			5.000
1.2	Trung tâm GDNN - GDTX Châu Phú	5.000			5.000
1.3	Trung tâm GDNN - GDTX Tịnh Biên	3.500			3.500
1.4	Trung tâm GDNN - GDTX Thoại Sơn	4.500			4.500
1.5	Trung tâm GDNN - GDTX Phú Tân	4.000			4.000
1.6	Trung tâm GDNN - GDTX An Phú	4.000			4.000
1.7	Trung tâm GDNN - GDTX Tri Tôn	3.000			3.000
1.8	Trung tâm GDNN - GDTX Chợ Mới	2.000			2.000
1.9	Trung Tâm DN và Hỗ trợ Nông Dân	4.500			4.500
1.10	Trung tâm Dạy nghề Khai Trí	1.000			1.000
1.11	Trường KTNV- GTVT	15.000			15.000
1.12	Trung TDN Tư thực Lái xe Đồng Bằng	6.000			6.000
<b>2</b>	<b>Trung tâm giáo dục thường xuyên</b>	<b>0</b>			<b>0</b>
*	Trung tâm GDTX An Giang	0			0
<b>IV</b>	<b>Các cơ sở khác</b>	<b>17.250</b>			<b>17.250</b>
<b>1</b>	<b>Doanh nghiệp</b>	<b>2.900</b>			<b>2.900</b>

1.1	DNTN trang điểm CN Kim Châu	500			500
1.2	Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Dương	1.500			1.500
1.3	CTy TNHH MTV Cắt uốn tóc Ngọc Hùng	250			250
1.4	Công Ty TNHH MTV Khải Hoàn	250			250
1.5	Chi nhánh Công ty TNHH MTV truyền thông đào tạo Cuộc Sống Mới	400			400
<b>2</b>	<b>Các cơ sở khác</b>	<b>14.350</b>			<b>14.350</b>
2.2	Trung tâm DVVL tỉnh An Giang	5.000			5.000
2.3	Trung tâm DVVL Châu Đốc	600			600
2.4	Trung Tâm DVVL HLH Phụ Nữ	1.000			1.000
2.5	Trung tâm Dịch vụ việc làm Chợ Mới	1.000			1.000
2.6	Trung tâm Khuyến Nông	2.500			2.500
2.7	Trung tâm Giống Thủy sản	2.500			2.500
2.8	Trung tâm Đông Y - Châm cứu	1.000			1.000
2.9	HTX Thêu may Kim Chi	500			500
2.10	Cơ sở đào tạo Xuân Hương SPA	250			250

**THỰC TRẠNG CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ HIỆN NAY**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

TT	Tên cơ sở	Năm thành lập	Cơ quan chủ quản	Địa chỉ		Loại hình sở hữu			
				Trụ sở chính	Phân hiệu (nếu có)	Công lập	Doanh nghiệp nhà nước	Tư thục	Có vốn đầu tư nước ngoài
<b>A</b>	<b>Trường cao đẳng</b>								
1	Trường Cao đẳng nghề An Giang	2007	UBND tỉnh An Giang	165A Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang			x		
2	Trường Cao đẳng Y tế An Giang	2017	UBND tỉnh An Giang	Đường Nguyễn Văn Linh, K. Đông Thịnh 8, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang			x		
<b>B</b>	<b>Trường trung cấp</b>								
1	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	2009	Sở Lao động - TBXH An Giang	Kênh Hòa Bình, khóm Châu Long 8, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang			x		
2	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	2009	Sở Lao động - TBXH An Giang	ấp Tô Hạ, X. Núi Tô, H. Tri Tôn, An Giang			x		
3	Trường Trung cấp nghề Tân Châu	2010	Sở Lao động - TBXH An Giang	Số 114, tỉnh lộ 952, X. Tân An, TX. Tân Châu			x		
4	Trường Trung cấp nghề Chợ Mới	2013	Sở Lao động - TBXH An Giang	Số 42, lộ vòng cung, ấp Mỹ Hòa, TT. Mỹ Luông, H. Chợ Mới			x		
5	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công Đoàn	2008	Liên đoàn lao động tỉnh An Giang	Quán Cơ Thành, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang			x		
6	Trung Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật	2012	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	Quốc lộ 91, X. Vĩnh Thạnh Trung, H. Châu Phú, An Giang			x		
<b>C</b>	<b>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp</b>								
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX An Phú	2013	UBND huyện An Phú	Số 72, Bờ Bắc kênh mới, ấp An Hưng, TT. An Phú, H. An Phú, AG			x		

2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Phú	2013	UBND huyện Châu Phú	ấp Vĩnh Thuận, X. Vĩnh Thạnh Trung, H. Châu Phú, An Giang		x			
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Thành	2013	UBND huyện Châu Thành	ấp Hòa Long 1, TT. An Châu, H. Châu Thành, An Giang		x			
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Phú Tân	2013	UBND huyện Phú Tân	ấp Trung I, TT. Phú Mỹ, H. Phú Tân, An Giang		x			
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tịnh Biên	2013	UBND huyện Tịnh Biên	Số 60, K. Xuân Phú, TT. Tịnh Biên, H. Tịnh Biên, An Giang		x			
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Thoại Sơn	2013	UBND huyện Thoại Sơn	đường Phan Đình Phùng, ấp Tây Sơn, TT. Núi Sập H. Thoại Sơn, An Giang		x			
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Chợ Mới	2015	UBND huyện Chợ Mới	Đường Châu Văn Liêm, TT. Chợ Mới, H. Chợ Mới, An Giang		x			
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tri Tôn	2015	UBND huyện Tri Tôn	Khóm 4, TT. Tri Tôn, H. Tri Tôn, An Giang		x			
9	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	2015	Hội Nông dân tỉnh	603B/47 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang		x			
10	Trung tâm Dạy nghề Khai trí	2010	CTY TNHH MTV Khánh Toàn	142/2 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang				x	
11	Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Giao thông vận tải	1985	Sở Giao thông Vận tải An Giang	Số 91 Quốc lộ 91, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang		x			
12	Trung tâm Dạy nghề tu thực lái xe Đồng Bằng	2006	CTY TNHH Đào tạo lái xe Đồng Bằng	799 Tôn Đức Thắng, K. Mỹ Thành, P. Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc, An Giang				x	
<b>D</b>	<b>Cơ sở khác</b>								
1	Trung tâm Dịch vụ Việc làm tỉnh	2002	Sở Lao động - TBXH An Giang	77 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang		x			
2	Trung tâm Dịch vụ Việc làm HLH Phụ nữ	2001	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	06 Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang		x			

3	Trung tâm Dịch vụ việc làm Chợ Mới	2013	UBND huyện Chợ Mới	Đường số 08, ấp thị I, TT. Mỹ Luông, H. Chợ Mới, An Giang		x			
4	Trung tâm Dịch vụ Việc làm Tp Châu Đốc	2013	UBND TP Châu Đốc	9H Lê Lợi, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang		x			
5	Trung tâm Đông Y Chăm cứu	2008	Hội Đông y tỉnh	11 Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang		x			
6	Trung tâm Giống thủy sản	1999	Sở Nông Nghiệp - PTNT An Giang	58 Bùi Văn Danh, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang		x			
7	Trung tâm Khuyến Nông	1995	Sở Nông Nghiệp - PTNT An Giang	04 Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang		x			
8	Cơ sở đào tạo Xuân Hương Spa	2013	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND TP Châu Đốc	42 Trưng Nữ Vương, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang				x	
9	HTX Thêu may Kim Chi	2005	Liên minh HTX tỉnh An Giang	C1C2 Lê Lai, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang				x	
10	CTY TNHH Đào tạo nghề Cắt uốn tóc thẩm mỹ Ngọc Hùng	2007	Sở Kế Hoạch - Đầu tư An Giang	Đường Hà Hoàng Hổ, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang				x	
11	CTY TNHH MTV Khải Hoàn	2011	Sở Kế Hoạch - Đầu tư An Giang	02 Ngô Thời Nhậm,, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang				x	
12	DNTN Huỳnh Dương	2007	Sở Kế Hoạch - Đầu tư An Giang	Tổ 8 ấp An Bình, X. Hội An, H. Chợ Mới, An Giang				x	
13	DNTN Dạy nghề trang điểm chuyên nghiệp Kim Châu	2014	Sở Kế Hoạch - Đầu tư An Giang	50A Nguyễn Hữu Cảnh, TT. Chợ Mới. H. Chợ Mới, An Giang				x	
14	CN CTY TNHH MTV Truyền thông và Đào tạo Cuộc sống mới	2015	Sở Kế Hoạch - Đầu tư An Giang	19 đường 8, tổ Tây Nam Đại học, khóm Đông Thịnh 8, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang				x	

**KẾT QUẢ TUYỂN SINH TÍNH ĐẾN 31/12/2016**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

T T	Tên cơ sở	Tổng giai đoạn 2011-2016					Kết quả tuyển sinh																																																																																												
		Tổng số	Trong đó				Năm 2011					Năm 2012					Năm 2013					Năm 2014					Năm 2015					Năm 2016																																																																			
			Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g	T ồ n g s ố	Ca o đầ n g n g h ề	Tru n g c ấ p n g h ề	Tru n g c ấ p	S ơ c ấ p và đ ướ i 3 th án g																																																															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)	(59)	(60)	(61)	(62)	(63)	(64)	(65)	(66)	(67)	(68)	(69)	(70)	(71)	(72)	(73)	(74)	(75)	(76)	(77)	(78)	(79)	(80)	(81)	(82)	(83)	(84)	(85)	(86)	(87)	(88)	(89)	(90)	(91)	(92)	(93)	(94)	(95)	(96)	(97)	(98)	(99)	(100)
	<b>Tổng cộng</b>	170.830	3.926	4.403	7.354	155.147	31.426	912	1.025	1.095	28.394	27.948	939	795	1.258	24.956	29.122	557	526	1.447	26.592	28.798	532	480	1.528	26.258	27.040	526	701	1.344	25.033	25.932	460	876	682	23.914																																																															
I	Cao đẳng	6.947	3.638	2.271	0	1.038	1.444	745	594		105	1.290	818	395		77	1.071	557	238		276	1.030	532	257		241	1.062	526	343		193	1.050	460	444		146																																																															
	Trường Cao đẳng nghề An Giang	6.947	3.638	2.271	0	1.038	1.444	745	594		105	1.290	818	395		77	1.071	557	238		276	1.030	532	257		241	1.062	526	343		193	1.050	460	444		146																																																															
II	Trung cấp	31.729	0	2.059	7.354	22.316	6.929	0	421	1.095	5.413	5.118	0	337	1.258	3.523	4.992	0	288	1.447	3.257	5.562	0	223	1.528	3.811	5.614	0	358	1.344	3.912	3.514	0	432	682	2.400																																																															
1	Trường Trung cấp nghề	22.167	0	2.059	0	20.108	5.304	0	421	0	4.883	3.341	0	337	0	3.004	3.038	0	288	0	2.750	3.687	0	223	0	3.464	3.965	0	358	0	3.607	2.832	0	432	0	2.400																																																															
1.1	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	4.008	0	622	0	3.386	588		104		484	774		93		681	673		61		612	789		84		705	491		131		360	693		149		544																																																															
1.2	Trường TCN Tân Châu	3.436	0	101	0	3.335	710				710	385				385	321				321	605				605	733		15		718	682		86		596																																																															
1.3	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	4.052	0	1.113	0	2.939	1.389		317		1.072	512		220		292	662		227		435	682		125		557	732		149		583	75		75		0																																																															
1.4	Trường TCN Chợ Mới	7.270	0	154	0	7.116	1.728				1.728	1.259				1.259	872				872	969		14		955	1.405		63		1.342	1.037		77		960																																																															
1.5	Trường TCN KT-KT	3.401	0	69	0	3.332	889				889	411		24		387	510				510	642				642	604			604	345		45		300																																																																







**CƠ SỞ VẬT CHẤT (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016)**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

TT	Tên cơ sở	Diện tích			Phòng học lý thuyết		Phòng thực hành	
		Tổng	Trụ sở chính	Phân hiệu (nếu có)	Tổng diện tích	Bình quân phòng học lý thuyết /chỗ học	Tổng diện tích	Bình quân phòng học thực hành /chỗ thực hành
	<b>Tổng cộng</b>	<b>363.570</b>	<b>339.435</b>	<b>0</b>	<b>17.898m<sup>2</sup>/288 phòng</b>	<b>62,15m<sup>2</sup>/35 hssv = 1,77m<sup>2</sup>/hssv</b>	<b>17.016m<sup>2</sup>/116 phòng</b>	<b>146,68m<sup>2</sup>/18 hssv = 8,15m<sup>2</sup>/hssv</b>
<b>A</b>	<b>Trường cao đẳng</b>	<b>93.431</b>	<b>93.431</b>	<b>0</b>	<b>6.561m<sup>2</sup>/100 phòng</b>	<b>65m<sup>2</sup>/35 HSSV = 1,86m<sup>2</sup>/HSSV</b>	<b>15.715m<sup>2</sup>/44 phòng</b>	<b>357,16m<sup>2</sup>/18 HSSV = 19,84m<sup>2</sup>/HSSV</b>
I	Trường cao đẳng nghề An Giang	93.431	93.431	0	6.561m <sup>2</sup> /100 phòng	65m <sup>2</sup> /35 HSSV = 1,86m <sup>2</sup> /HSSV	15.715m <sup>2</sup> /44 phòng	357,16m <sup>2</sup> /18 HSSV = 19,84m <sup>2</sup> /HSSV
<b>B</b>	<b>Trường trung cấp</b>	<b>142.303</b>	<b>120.104</b>	<b>0</b>	<b>7.229m<sup>2</sup>/115 phòng</b>	<b>62,86m<sup>2</sup>/35hs = 1,79m<sup>2</sup>/hs</b>	<b>9.406m<sup>2</sup>/34 phòng</b>	<b>276,64m<sup>2</sup>/18 hs = 15,36 m<sup>2</sup>/hs</b>
<b>I</b>	<b>Trường trung cấp nghề</b>	<b>73.684</b>	<b>51.485</b>	<b>0</b>	<b>3.121,48m<sup>2</sup>/46 phòng</b>	<b>67,85m<sup>2</sup>/35 hs = 1,94m<sup>2</sup>/hs</b>	<b>7.070,42 m<sup>2</sup>/26 phòng</b>	<b>271,93m<sup>2</sup>/18 hs = 15,1m<sup>2</sup>/hs</b>
1	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	12.603	12.603	0	894,48m <sup>2</sup> /12 phòng	74,54m <sup>2</sup> /35 HS = 2,12m <sup>2</sup> /HS	1793,216m <sup>2</sup> /4 phòng	448,304 m <sup>2</sup> /18HS = 24,9 m <sup>2</sup> /HS
2	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	32.413	11.858	0	398m <sup>2</sup> /12 phòng	33,16m <sup>2</sup> /35Hs = 0,95m <sup>2</sup> /Hs	2.505m <sup>2</sup> /4 phòng	625,25m <sup>2</sup> /18Hs = 34,79 m <sup>2</sup> /Hs
3	Trường Trung cấp nghề Tân Châu	13.287	13.287	0	375m <sup>2</sup> /8 phòng	46,87 m <sup>2</sup> /35Hs = 1,34m <sup>2</sup> /Hs	1.291/8 phòng	161,37m <sup>2</sup> /18Hs = 8,96m <sup>2</sup> /Hs
4	Trường Trung cấp nghề Chợ Mới	11.957	11.957	0	576m <sup>2</sup> /8 phòng	72m <sup>2</sup> /35hs = 2,06m <sup>2</sup> /hs	1225,2m <sup>2</sup> /6 phòng	204,4m <sup>2</sup> /18hs = 11,34 m <sup>2</sup> /hs

5	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công Đoàn	3.424	1.780	0	878m <sup>2</sup> /6 phòng	146m <sup>2</sup> /35hs = 4,18m <sup>2</sup> /hs	256m <sup>2</sup> / 4 phòng	64m <sup>2</sup> /18hs = <b>3,5m<sup>2</sup>/hs</b>
<b>II</b>	<b>Trường trung cấp chuyên nghiệp</b>	<b>68.619</b>	<b>68.619</b>	<b>0</b>	<b>4.108m<sup>2</sup>/69 phòng</b>	<b>59,53m<sup>2</sup>/35 hs = 1,7m<sup>2</sup>/hs</b>	<b>2.336m<sup>2</sup>/8 phòng</b>	<b>292m<sup>2</sup>/18 hs = 16,22m<sup>2</sup>/hs</b>
1	Trường Trung học Y tế	8.931	8.931	0	1.708m <sup>2</sup> /18 phòng	94,88m <sup>2</sup> /35hs = 2,71m <sup>2</sup> /hs	1.188m <sup>2</sup> /2 phòng	594m <sup>2</sup> /18hs = 33m <sup>2</sup> /hs
2	Trung Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật	59.688	59.688	0	2.400m <sup>2</sup> /51 phòng	47m <sup>2</sup> /35hs = 1,34m <sup>2</sup> /hs	1148m <sup>2</sup> /6 phòng	191,33m <sup>2</sup> /18hs = 10,63m <sup>2</sup> /hs
<b>C</b>	<b>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>127.836</b>	<b>125.900</b>	<b>0</b>	<b>3.606,4m<sup>2</sup>/73 phòng</b>	<b>49,4m<sup>2</sup>/35hs = 1,41m<sup>2</sup>/hs</b>	<b>7.610,95m<sup>2</sup>/ 38 phòng</b>	<b>200m<sup>2</sup>/18 hs = 11,12m<sup>2</sup>/hs</b>
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX An Phú	18.214	18.214	0	924.91m <sup>2</sup> /12 phòng	77,07m <sup>2</sup> /35hs = 2,2 m <sup>2</sup> /hs	1.278,148m <sup>2</sup> /5 phòng	255,63m <sup>2</sup> /18hs = 14,2m <sup>2</sup> /hs
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Phú	9.633	9.633	0	412,9m <sup>2</sup> /8 phòng	51,61 m <sup>2</sup> /35hs = 1,47m <sup>2</sup> /hs	1.022,4m <sup>2</sup> /7 phòng	146m <sup>2</sup> /18hs = 8,11 m <sup>2</sup> /hs
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Thành	13.055	13.055	0	416,4m <sup>2</sup> /6 phòng	69,4m <sup>2</sup> /35hs = 1,98m <sup>2</sup> /hs	963,8m <sup>2</sup> /2 phòng	481,9m <sup>2</sup> /18hs = 26,77m <sup>2</sup> /hs
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Phú Tân	8.263	8.263	0	392m <sup>2</sup> /6 phòng	65,33m <sup>2</sup> /35hs = 1,86m <sup>2</sup> /hs	556m <sup>2</sup> /3 phòng	185,33m <sup>2</sup> /18 hs = 10,3 m <sup>2</sup> /hs
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tịnh Biên	10.000	10.000	0	496m <sup>2</sup> /8 phòng	62m <sup>2</sup> /35 hs = 1,77m <sup>2</sup> /hs	1.600 m <sup>2</sup> /4 phòng	400m <sup>2</sup> /18 hs = 22,22m <sup>2</sup> /hs
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Thoại Sơn	14.732	14.732	0	334m <sup>2</sup> /4 phòng	83,5m <sup>2</sup> /35hs = 2,38 m <sup>2</sup> /hs	1.193,6m <sup>2</sup> /7 phòng	170,5m <sup>2</sup> /18 hs = 9,47m <sup>2</sup> /hs
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Chợ Mới	4.822	4.822	0	640m <sup>2</sup> /8 phòng	80m <sup>2</sup> /35 hs= 2,28m <sup>2</sup> /hs	94m <sup>2</sup> /01 phòng	94m <sup>2</sup> /18hs = 5,22m <sup>2</sup> /hs
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tri Tôn	15.440	15.440	0	336m <sup>2</sup> /6 phòng	56m <sup>2</sup> /35hs = 1,6m <sup>2</sup> /hs	Đang xây dựng	Đang xây dựng
9	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	3.775	2.469	0	80m <sup>2</sup> /2 phòng	40m <sup>2</sup> /35 hs = 1,14m <sup>2</sup> /hs	510m <sup>2</sup> /3 phòng	170m <sup>2</sup> /18hs = 9,44m <sup>2</sup> /hs
10	Trung tâm Dạy nghề Khai trí	244	244	0	54,1m <sup>2</sup> /1 phòng	54m <sup>2</sup> /35hs = 1,45m <sup>2</sup> /hs	163m <sup>2</sup> /3 phòng	54,33m <sup>2</sup> /18hs = 3,01m <sup>2</sup> /hs

11	Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Giao thông vận tải	7.000	6.370	0	285m <sup>2</sup> /8 phòng	35,62m <sup>2</sup> /35hs = 1,01m <sup>2</sup> /hs	140m <sup>2</sup> /2 phòng	70m <sup>2</sup> /18hs = 3,88m <sup>2</sup> /hs
12	Trung tâm Dạy nghề tư thục lái xe Đồng Bằng	22.658	22.658	0	160m <sup>2</sup> /4 phòng	40m <sup>2</sup> /35hs = 1,14m <sup>2</sup> /hs	90m <sup>2</sup> /1 phòng	90m <sup>2</sup> /18 hs = 5m <sup>2</sup> /hs

---

**ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016)**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

TT	Tên cơ sở	Tổng số giáo viên và cán bộ quản lý				Trình độ của giáo viên dạy nghề														
						Trình độ giáo viên						Trình độ kỹ năng nghề (nếu có)		Nghịệp vụ sư phạm		Tin học		Ngoại ngữ		
		Tổng	Cán bộ quản lý	Giáo viên, giảng viên dạy nghề	Giáo viên, giảng viên dạy văn hóa	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Cử nhân	Cao đẳng/Cao đẳng nghề	Trung cấp/Trung cấp nghề	Khác	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Chứng chỉ bậc thợ	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>905</b>	<b>345</b>	<b>485</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>74</b>	<b>292</b>	<b>60</b>	<b>36</b>	<b>23</b>	<b>155</b>	<b>0</b>	<b>394</b>	<b>88</b>	<b>441</b>	<b>2</b>	<b>433</b>	<b>0</b>	
<b>A</b>	<b>Trường cao đẳng</b>	<b>243</b>	<b>34</b>	<b>209</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>55</b>	<b>139</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>88</b>	<b>206</b>	<b>0</b>	<b>209</b>	<b>0</b>	
I	Trường cao đẳng nghề An Giang	243	34	209			55	139	9	1	5	14		120	88	206		209		
<b>B</b>	<b>Trường trung cấp</b>	<b>304</b>	<b>151</b>	<b>133</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>86</b>	<b>27</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>132</b>	<b>0</b>	<b>132</b>	<b>0</b>	<b>132</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Trường trung cấp nghề</b>	<b>167</b>	<b>91</b>	<b>56</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>40</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	
1	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	31	21	4	6			6				6		6		6		6		
2	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	45	19	26	0		1	22	4			3		26		26		26		
3	Trường Trung cấp nghề Tân Châu	38	22	5	11			2	3			5		5		5		5		
4	Trường Trung cấp nghề Chợ Mới	33	22	8	3			7	1			2		8		8		8		
5	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công Đoàn	20	7	13				3	5	2		1		10		10		10		
<b>II</b>	<b>Trường trung cấp chuyên nghiệp</b>	<b>137</b>	<b>60</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>46</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	
1	Trường Trung học Y tế	72	22	50			10	26	14					50		50		50		
2	Trung Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật	65	38	27			7	20						27		27		27		

C	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	358	160	143	55	0	1	67	24	33	18	124	0	142	0	103	2	92	0
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX An Phú	29	19	4	6			2	2			2		4		4		4	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Phú	26	16	1	9			1						1		1		1	
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Châu Thành	29	14	7	8			4	3					7		7		7	
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Phú Tân	26	14	5	7			2	3			2		5		5		5	
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tịnh Biên	20	16	0	4														
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Thoại Sơn	25	19	0	6														
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Chợ Mới	17	8	1	8			1						1		1		1	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Tri Tôn	20	7	6	7		1	3	2			2		6		6		6	
9	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	20	20	0	0														
10	Trung tâm Dạy nghề Khai trí	10	10	0	0														
11	Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Giao thông vận tải	81	7	74	0			41	8	17	8	73		74		68		68	
12	Trung tâm Dạy nghề tư thực lái xe Đồng Bằng	55	10	45	0			13	6	16	10	45		44		11	2		

**DỰ KIẾN CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐẾN NĂM 2020**  
(kèm theo Đề án số 572/ĐA-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017)

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng</b>	<b>Công lập</b>	<b>Tư thực</b>	<b>Doanh nghiệp nhà nước</b>	<b>Có vốn đầu tư nước ngoài</b>
1	Trường cao đẳng	2	2	0		
2	Trường trung cấp	6	6	0		
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề	8	6	2		
	<i>Trong đó: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp cấp huyện</i>	5	5	0		